

Số: 018921/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23627.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: M-STT-1
Ngày lấy mẫu : 16/08/2023
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml
Ngày nhận mẫu : 17/08/2023
Người gửi mẫu : Phan Quốc Hậu
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	<i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017 (b)	< 1 CFU/ml	18/08/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.
- < 1 CFU/mL: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-08-2023**
TU. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 029010 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34969.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-26
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Enterobacteriaceae	ISO 21528-2:2017 (a)	< 1 CFU/ml	19/12/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

- < 1 CFU/ml: được xem như không phát hiện.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28-12-2023

TU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 018923 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23630.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: M-STT-1
Ngày lấy mẫu : 16/08/2023
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml
Ngày nhận mẫu : 17/08/2023
Người gửi mẫu : Phan Quốc Hậu
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	24/08/2023
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	24/08/2023
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	24/08/2023
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS:2019 (b)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	24/08/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-08-2023**

TU. QU. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 23631.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: M-STT-1
Ngày lấy mẫu : 16/08/2023
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml
Ngày nhận mẫu : 17/08/2023
Người gửi mẫu : Phan Quốc Hậu
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Aflatoxin M1	HD.PP.03-2/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 µg/kg	24/08/2023
2	Melamine	TCVN 9048:2012 (ISO/TS 15495:2010) (b)	Không phát hiện LOD = 0,05 mg/kg	21/08/2023

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- (b) Phép thử được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 và được Bộ Y tế chỉ định theo thông tư số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29-08-2023**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 029012 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34971.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-26
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Diminazene	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 25 µg/l	25/12/2023
2	Chlortetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 15 µg/l	21/12/2023
3	Oxytetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 15 µg/l	21/12/2023
4	Tetracycline	HD.PP.21/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 15 µg/l	21/12/2023
5	Sulfamethazine (Sulfadimidine)	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7 µg/l	25/12/2023
6	Amoxicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/kg	25/12/2023
7	Benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	25/12/2023
8	Ceftiofur	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7 µg/l	25/12/2023
9	Lincomycin	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	25/12/2023
10	Procaine benzylpenicillin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 1 µg/l	25/12/2023
11	Spiramycin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7 µg/l	25/12/2023
12	Tylosin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7 µg/l	25/12/2023



Mã số mẫu: 34971.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	Pirlimycin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 7 µg/l	25/12/2023
14	Colistin	HD.PP.46/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 10 µg/l	25/12/2023
15	Isometamidium	HD.PP.46/TT.SK	Không phát hiện LOD = 10 µg/l	25/12/2023
16	Clenbuterol	HD.PP.68-1/TT.SK:2023 (a)	Không phát hiện LOD = 0,014 µg/kg	21/12/2023
17	Dihydrostreptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2023 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
18	Streptomycin	HD.PP.87/TT.SK:2023 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
19	Gentamicin	HD.PP.87/TT.SK:2023 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
20	Neomycin	HD.PP.87/TT.SK:2023 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
21	Spectinomycin	HD.PP.87/TT.SK:2023 (Ref. CLG-AMG4.02) (a)	Không phát hiện LOD = 30 µg/kg	26/12/2023
22	Monensin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,5 µg/kg	20/12/2023
23	Albendazole	HD.PP.159/TT.SK	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
24	Dexamethasone	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,1 µg/kg	20/12/2023
25	Doramectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
26	Eprinomectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
27	Febantel	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
28	Fenbendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
29	Imidocarb	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
30	Ivermectin	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
31	Oxfendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
32	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
33	Trichlorfon (Metrifonat)	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 3 µg/kg	20/12/2023
34	Deltamethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	26/12/2023
35	Cyfluthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	26/12/2023
36	Cypermethrin và alpha-Cypermethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	26/12/2023
37	L-Cyhalothrin (Cyhalothrin)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 1,5 µg/l	26/12/2023

Mã số mẫu: 34971.23

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **28-12-2023**
TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh



Số: 029011 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 34970.23



Tên khách hàng : CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 10 TÂN TRÀO, PHƯỜNG TÂN PHÚ, QUẬN 7, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : SỮA DINH DƯỠNG CÓ ĐƯỜNG - VINAMILK
Đặc điểm mẫu : Ký hiệu mẫu: V-STT-26
Ngày lấy mẫu : Không có thông tin ngày lấy mẫu
Lượng mẫu : 01 bịch x 220 ml
Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Người gửi mẫu : Nguyễn Thị Bình
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Xuân Diễm

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
1	Chlormequat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	24/12/2023
2	Diquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	24/12/2023
3	Paraquat	HD.PP.09/TT.SK (LC-MS/MS)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	24/12/2023
4	Thiabendazole	HD.PP.159/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
5	Dithiocarbamate	HD.PP.168/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	22/12/2023
6	Ethephon	HD.PP.112/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	26/12/2023
7	Glufosinate-ammonium	HD.PP.112/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,01 mg/kg	26/12/2023
8	Aldrin và Dieldrin	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
9	Bifenthrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
10	Chlordane	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
11	Chlorpyrifos-ethyl (Chlorpyrifos)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
12	Chlorpyrifos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
13	DDT	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
14	Diazinon	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
15	Dicofol	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
16	Dimethipin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
17	Diphenylamin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00006 mg/kg	20/12/2023
18	Disulfoton	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
19	Endosulfan (Endosulfan I, Endosulfan II, Endosulfan sulfate)	HD.PP.134-2/TT.SK:2019 (Ref. AOAC 2007.01) (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
20	Fenpropathrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
21	Fenvalerate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
22	Fipronil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
23	Heptachlor	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	26/12/2023
24	Lindan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
25	Methoprene	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
26	Permethrin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
27	Phorate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
28	Pirimiphos-methyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
29	Vinclozolin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	26/12/2023
30	2,4-D (Dichlorophenoxyacetic acid)	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
31	Abamectin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
32	Acephate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
33	Aldicarb	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
34	Aminopyralid	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
35	Amitraz	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
36	Bentazone	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
37	Bifenazate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
38	Bitertanol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Mã số mẫu: 34970.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
39	Carbaryl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
40	Carbendazim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
41	Carbofuran	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
42	Carbosulfan	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
43	Chlorpropham	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,00015 mg/kg	20/12/2023
44	Clethodim	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
45	Clofentezine	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
46	Cyhexatin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	20/12/2023
47	Cyprodinil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,00012 mg/kg	20/12/2023
48	Cyromazin	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
49	Difenoconazol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
50	Diflubenzuron	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
51	Dimethenamid-p	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
52	Dimethoate	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
53	Dimethomorph	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
54	Ethoprophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
55	Famoxadone	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
56	Fenamiphos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
57	Fenbuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
58	Fenbutatin oxide	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,015 mg/kg	20/12/2023
59	Fenhexamid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	20/12/2023
60	Fenpropimorph	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
61	Fenpyroximate	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,0012 mg/kg	20/12/2023
62	Fludioxonil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
63	Flumethrin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
64	Flusilazole	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 34970.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
65	Flutolanil	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
66	Imidacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
67	Indoxacarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	20/12/2023
68	Kresoxim-methyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
69	Methamidophos	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
70	Methidathion	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0003 mg/kg	20/12/2023
71	Methomyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
72	Methoxyfenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
73	Myclobutanil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
74	Novaluron	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,03 mg/kg	20/12/2023
75	Oxamyl	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,0015 mg/kg	20/12/2023
76	Oxydemeton-methyl	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
77	Penconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
78	Pirimicarb	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
79	Prochloraz	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
80	Profenofos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
81	Propamocarb	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
82	Propargite	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
83	Propiconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
84	Pyraclostrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
85	Pyrimethanil	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
86	Quinoxifen	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
87	Spinosad	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
88	Tebuconazole	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
89	Tebufenozide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
90	Terbufos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Đ/C: 159 Hưng phú, Phường 8, Quận 8, TP.Hồ Chí Minh

Mã số mẫu: 34970.23

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Ngày kiểm nghiệm
91	Thiacloprid	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
92	Triadimefon	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
93	Triadimenol	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
94	Trifloxystrobin	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,006 mg/kg	20/12/2023
95	Piperonyl butoxide	HD.PP.134/TT.SK	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023
96	Diclorvos	HD.PP.134/TT.SK:2022 (a)	Không phát hiện LOD = 0,003 mg/kg	20/12/2023

Ghi chú:

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.

- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.

28-12-2023

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



Ts. Nguyễn Đức Thịnh

